

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXXVI

### Phẩm 25: KIÊU TRẦN NHƯ 2

Lại có Phạm chí tên là Thanh Tịnh Phù nói:

–Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh chẳng biết pháp gì mà thấy thế gian thường vô thường, cũng thường cũng vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Chúng sinh chẳng biết sắc cho đến chẳng biết thức nên thấy thế gian thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”.

Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Chúng sinh biết pháp gì nên chẳng thấy thế gian thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Chúng sinh biết sắc cho đến biết thức nên chẳng thấy thế gian thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói thế gian thường, vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng tạo nghiệp mới thì người đó có thể biết thường cùng vô thường.

Phạm chí bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy biết rồi!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông thấy thế nào? Ông biết thế nào?

–Thưa Thế Tôn! Nghiệp cũ là gọi vô minh cùng với ái. Nghiệp mới là gọi thủ, hữu. Nếu người xa lìa vô minh, ái đó, chẳng tạo tác thủ, hữu thì người đó chân thật biết thường, vô thường. Con nay đã được mắt tịnh chánh pháp, quy y Tam bảo, cúi xin Đức Như Lai cho phép con xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Cho ông Phạm chí này xuất gia, thọ giới.

Ông Kiều-trần-như nhận lệnh của Đức Phật rồi, đem Phú-na đến trong chúng Tăng, vì ông ấy làm phép yết-ma, cho xuất gia. Mười lăm ngày sau, ông ấy hết lậu vĩnh viễn, đắc quả A-la-hán.

Phạm chí Độc Tử lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi nay muốn hỏi, có thể được phép chăng?

Đức Như Lai lặng thinh. Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Như Lai cũng như vậy. Độc Tử lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi từ lâu đã cùng ông làm bạn thân. Ông cùng tôi tình nghĩa không có hai, tôi muốn thưa hỏi, vì sao ông lặng thinh?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ: Phạm chí này tánh tình nhu hòa, thuần thiện, chất trực, thương vì sự hiểu biết mà đến thưa hỏi, chứ chẳng vì muốn não loạn. Nếu ông đó hỏi thì sẽ theo ý mà đáp. Đức Phật nói:

–Này Độc Tử! Hay thay! Hay thay! Theo điều ông hỏi, Ta sẽ giải đáp cho.

Ông Độc Tử bạch:

–Thưa Cù-đàm! Đời có thiện chăng?

–Đúng vậy! Phạm chí!

–Có bất thiện chăng?

–Đúng vậy! Phạm chí!

–Thưa Cù-đàm! Xin Ngài vì tôi giảng nói cho tôi được biết pháp thiện và bất thiện.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta có thể phân biệt, giảng nói rộng rãi nghĩa ấy. Nhưng nay Ta sẽ vì ông nói giản lược vấn đề này. Này thiện nam! Dục gọi là bất thiện. Dục giải thoát thì gọi là thiện. Sân hận, ngu si cũng như vậy. Giết hại gọi là bất thiện, không giết hại thì gọi là thiện, cho đến tà kiến cũng như vậy. Này thiện nam! Ta nay đã vì ông nói ba loại pháp thiện, bất thiện và nói mười loại pháp thiện, bất thiện. Nếu đệ tử của Ta có thể phân biệt như vậy về ba thứ pháp thiện và bất thiện cho đến mười thứ pháp thiện và bất thiện thì phải biết người này có thể hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả các lậu, cắt đứt tất cả hữu.

Ông Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp Phật này có một Tỳ-kheo nào có thể hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật này chẳng phải là một, hai, ba, mà cho đến năm trăm, thậm chí có vô lượng những Tỳ-kheo v.v... có thể hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy.

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo ra, trong pháp Phật này có một Tỳ-kheo-ni nào có thể hết tham, sân, si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật này chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Tỳ-kheo-ni có thể đoạn trừ tham, sân, si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy.

Ông Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ra, trong pháp Phật này có Ưu-bà-tắc nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, qua khỏi bờ nghi, đoạn trừ lưới nghi chăng?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật của Ta chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu-bà-tắc trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ năm kết dưới, được quả A-na-hàm, qua được bờ nghi, cắt đứt lưới nghi.

Ông Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc ra, trong pháp Phật này có một Ưu-bà-di nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, qua được bờ nghi, cắt đứt lưới nghi chăng?

Đức Phật đáp:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật của Ta chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ năm kết dưới, được quả A-na-hàm, qua được bờ nghi, cắt đứt lưới nghi.

Ông Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hết tất cả các lậu, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, cắt đứt lưới nghi, trong pháp Phật này có một Ưu-bà-tắc nào thọ niềm vui năm dục mà lòng không lưới nghi chăng?

Đức Phật đáp:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật này chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu-bà-tắc đoạn trừ ba kết, được Tu-đà-hoàn, tham, sân, si mỏng được Tư-đà-hàm. Như các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng như vậy.

–Thưa Thế Tôn! Con nay muốn nói thí dụ.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Thích nói thì nói đi!

–Thưa Thế Tôn! Ví như vua rồng Nan-đà, Bà-nan-đà tuôn xuống mưa lớn. Mưa pháp của Đức Như Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Thưa Thế Tôn! Nếu các ngoại đạo muốn đến xuất gia thì chẳng rõ Như Lai thử thách bao nhiêu tháng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Họ đều qua bốn tháng thử thách nhưng chẳng nhất định cùng một cách như vậy.

–Thưa Thế Tôn! Nếu chẳng cùng một cách như vậy thì cúi xin Đức Đại Từ cho phép con xuất gia!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ông Kiều-trần-như cho ông Độc Tử này xuất gia thọ giới. Ông Kiều-trần-như nhận lệnh của Đức Phật rồi, đứng trong chúng Tăng, vì ông ấy làm phép yết-ma cho xuất gia. Sau đủ mười lăm ngày thì Độc Tử đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã đắc quả rồi, ông lại nghĩ: “Nếu người có trí tuệ do học mà được, thì ta nay đã có thể gặp Đức Phật”. Ông liền đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, kính lễ xong rồi lùi đứng một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người có trí tuệ là do từ học mà có được thì con nay đã được. Cúi xin Phật vì con một lần nữa phân biệt giảng nói, khiến cho con chứng được trí tuệ vô học.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông siêng tinh tấn tu tập hai pháp, một là chỉ, hai là quán. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo muốn đắc quả Tu-đà-hoàn thì cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu lại muốn được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo muốn được bốn thiền, bốn tâm vô lượng, sáu thần thông, tám bối xả, tám thắng xứ, trí vô tránh, trí đỉnh, trí rốt ráo, bốn trí vô ngại, Tam-muội kim cương, tận trí, vô sinh trí v.v... cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Này thiện nam! Nếu muốn đắc địa Thập trụ, pháp nhãn Vô sinh, pháp nhãn Vô tướng, pháp nhãn Bất khả tư nghì, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ-tát hạnh, Tam-muội Hư không, Tam-muội Trí ấn, Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, Tam-muội Địa, Tam-muội Bất thoái, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Kim cương, hạnh Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe rồi, lễ bái Đức Phật mà lui ra, ở tại trong rừng Ta-la, tu hai pháp này, chẳng bao lâu liền được quả A-la-hán. Lúc đó, lại có vô lượng Tỳ-kheo muốn đi đến chỗ Đức Phật, Độc Tử thấy họ

rồi hỏi:

–Thưa các Đại đức! Các vị muốn đi đến đâu?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Phật!

Độc Tử lại nói:

–Thưa các Đại đức! Nếu các vị đi đến chỗ Đức Phật thì xin các vị vì tôi bày tỏ với Đức Phật: “Phạm chí Độc Tử tu hai pháp đã được trí vô học. Nay để báo ơn Đức Phật, xin vào Niết-bàn”.

Các vị Tỳ-kheo đến nơi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Độc Tử gửi lời cho chúng con thưa: “Thưa Thế Tôn! Phạm chí Độc Tử tu tập hai pháp được trí vô học. Nay để báo ơn Đức Phật xin vào Niết-bàn!”.

Đức Phật nói:

–Này các Thiện nam! Phạm chí Độc Tử đã đắc quả A-la-hán. Các ông có thể đến đó cúng dường thân ông ấy.

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật, trở lại chỗ thi thể ông ấy, thiết đại lễ cúng dường.

Phạm chí Nạp Y lại nói:

–Như lời Cù-đàm nói, trong vô lượng đời làm việc thiện hay bất thiện thì đời vị lai trở lại được thân thiện hay bất thiện. Nghĩa lý này chẳng đúng. Vì sao? Vì như lời nói của Cù-đàm, nhân phiền não nên có được thân này. Nếu nhân phiền não có được thân này thì thân có trước hay phiền não có trước? Ai tạo ra? Trụ ở chỗ nào? Nếu thân có trước thì sao nói, nhân phiền não được? Vậy nên nếu nói phiền não có trước thì điều đó chẳng thể. Nếu nói thân có trước thì điều đó cũng chẳng thể. Nếu nói có cùng một lúc thì lại cũng chẳng thể. Trước, sau, cùng một lúc thì nghĩa lý đều chẳng thể. Vậy nên tôi nói tất cả các pháp đều có tự tánh, chẳng từ nhân duyên.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Cứng là tánh của đất, ẩm thấp là tánh của nước, nóng là tánh của lửa, động là tánh của gió, không có gì trở ngại là tánh của hư không, đó là tánh của năm đại, chẳng phải do nhân duyên mà có. Giả dụ trong thế gian có một pháp tánh, chẳng phải do nhân duyên mà có, thì tất cả các pháp tánh cũng nên như

vậy, chẳng phải do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp từ nhân duyên mà có, thì tại sao do nhân duyên mà tánh của năm đại không từ nhân duyên?

Thưa Cù-đàm! Chúng sinh thân thiện và thân bất thiện đều được giải thoát, đều là tự tánh, chẳng từ nhân duyên, vậy nên tôi nói tất cả các pháp tự tánh vốn có, chẳng phải từ nhân duyên sinh.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Pháp của thế gian có chỗ định dụng của nó. Ví như người thợ mộc giỏi định rằng, gỗ như vậy dùng làm trục xe, gỗ như vậy dùng làm cửa, giường, ghế. Cũng như khả năng chế tác của người thợ vàng giỏi: cái đặt trên trán thì gọi là vòng cài tóc, cái đeo dưới cổ thì gọi là chuỗi, cái đeo trên cánh tay thì gọi là xuyên, cái đeo ở trên ngón tay thì gọi là nhẫn. Tùy theo chỗ sử dụng mà quyết định nên gọi là định tánh. Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có tánh của năm đường nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Nếu như vậy thì vì sao nói, từ nhân duyên được?

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh, tánh của họ đều khác. Vậy nên gọi là tất cả tự tánh. Thưa Cù-đàm! Như rùa sống trên đất mà tự có thể vào trong nước. Con trâu ghé sinh ra rồi có thể tự bú sữa. Con cá thấy mỗi câu tự nhiên đớp ăn. Con rắn độc sinh ra rồi tự nhiên ăn đất. Những việc như vậy có ai dạy bảo đâu. Như cây gai sinh ra rồi thì tự nhiên nhọn đầu. Lông vũ loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng biệt. Chúng sinh ở thế gian cũng như vậy, có người lanh lợi, có người ngu độn, có người giàu, có người nghèo, có người đẹp, có người xấu, có người được giải thoát, có người không được. Vậy nên phải biết, trong tất cả các pháp đều có tự tánh.

Lại nữa, như lời Cù-đàm nói, tham, sân, si từ nhân duyên sinh. Ba độc như vậy do năm trần làm duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì khi chúng sinh ngủ thì lìa xa năm trần mà cũng lại sinh ra tham, sân, si. Ở trong thai cũng vậy. Khi thai mới sinh ra chưa thể phân biệt năm trần tốt đẹp xấu mà cũng lại sinh ra tham, sân, si. Chư tiên, Thánh hiền ở chỗ vắng vẻ không có năm trần mà cũng có thể sinh ra tham, sân, si. Nhưng cũng lại có người nhân vào năm trần mà sinh ra chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Như vậy nhất định chẳng

phải là từ ở nhân duyên sinh ra tất cả pháp mà do tự tánh.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Tôi thấy người đời, có kẻ năm căn chẳng đủ mà rất nhiều của báu, được tự tại lớn, có người các căn đầy đủ mà nghèo cùng hạ tiện, chẳng được tự tại, làm nô bộc cho kẻ khác. Nếu có nhân duyên thì vì sao như vậy? Vậy nên các pháp đều có tự tánh, chẳng do nhân duyên.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Trẻ con ở thế gian cũng lại chưa có thể phân biệt năm trần, hoặc cười, hoặc khóc, khi cười biết mừng, khi khóc biết buồn. Vậy phải biết tất cả các pháp đều có tự tánh.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Pháp thế gian có hai: một là có, hai là không. Có tức là hư không, không tức là sừng thỏ. Hai pháp như vậy, một là có nên chẳng từ nhân duyên, hai là không nên cũng chẳng phải nhân duyên. Vậy nên các pháp có tự tánh, chẳng từ nhân duyên.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, như tánh của năm đại, tất cả các pháp cũng như vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì trong pháp của ông cho năm đại là thường thì vì nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều chẳng là thường? Nếu vật của thế gian là vô thường thì tánh của năm đại này vì nhân duyên gì mà chẳng là vô thường? Nếu năm đại thường thì vật của thế gian cũng phải là thường. Vậy nên ông nói tánh của năm đại có tự tánh nên chẳng từ nhân duyên khiến cho tất cả các pháp đồng với năm đại thì điều này không có.

Này thiện nam! Ông nói chỗ dùng đã định nên có tự tánh thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì đều từ nhân duyên mà có được tên gọi. Nếu từ nhân duyên mà có được tên gọi thì cũng từ nhân duyên có được nghĩa. Sao gọi là từ nhân duyên có được tên gọi? Như cái ở trên trán thì gọi đó là vòng, cái ở cổ gọi là chuỗi, cái ở tại cánh tay gọi là xuyên, cái ở tại xe gọi là bánh xe, lửa ở tại cây cỏ gọi là lửa cỏ, cây.

Này thiện nam! Khi cây mới sinh ra không có tánh mũi tên, cây giáo nhưng từ nhân duyên nên người thợ làm ra mũi tên, từ nhân



duyên nên người thợ làm ra cây giáo. Vậy chẳng nên nói tất cả các pháp có tự tánh.

Này thiện nam! Ông nói, như tánh của con rùa sống trên đất tự vào nước. Con trâu nghé sinh ra rồi tánh có thể bú sữa thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu nói vào nước chẳng phải nhân duyên thì đối với tất cả đều chẳng phải nhân duyên mà sao nó chẳng vào lửa? Trâu nghé sinh ra rồi tánh có thể bú sữa chẳng từ nhân duyên thì đối với tất cả đều chẳng phải nhân duyên mà sao nó chẳng bú sữa?

Này thiện nam! Nếu nói các pháp đều có tự tánh chẳng cần dạy bảo tập tành, không có tăng trưởng thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nay thấy có dạy bảo và nhờ dạy bảo nên tăng trưởng. Vậy phải biết là không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có tự tánh thì các thầy Bà-la-môn, tất cả chẳng nên vì thân thanh tịnh mà giết dê cúng tế. Nếu vì thân mà cúng tế thì phải biết là không có tự tánh.

Này thiện nam! Thế gian nói về pháp thường có ba thứ: một là muốn làm, hai là khi làm, ba là làm rồi. Nếu tất cả các pháp có tự tánh thì vì sao trong đời có ba lời nói đó. Vì có ba lời nói đó nên biết tất cả không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu nói các pháp có tự tánh thì phải biết các pháp đều có định tánh. Cây mía, một vật nếu có định tánh thì vì duyên gì làm ra nước uống, làm ra mật, làm ra đường, rượu và rượu đắng v.v... Nếu nó có một tánh thì vì duyên gì mà sinh ra những vị như vậy? Nếu trong một vật sinh ra nhiều thứ như vậy thì phải biết các pháp chẳng nhất định là đều có một tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có định tánh thì Thánh nhân vì sao uống nước mía, ăn đường, còn rượu thì chẳng uống? Về sau thành rượu đắng nên trở lại được uống? Vậy phải biết là không có định tánh. Nếu không định tánh thì làm sao chẳng nhân vào nhân duyên mà có?

Này thiện nam! Ông nói tất cả các pháp có tự tánh thì tại sao ông nói dụ. Nếu có ví dụ thì phải biết các pháp không có tự tánh. Nếu có tự tánh thì phải biết không có ví dụ. Người trí tuệ của thế

gian đều nói ví dụ nên phải biết các pháp không có tự tánh, không có một tánh.

Này thiện nam! Ông hỏi, thân là có trước hay phiền não có trước thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu ta nói thân có trước thì ông có thể nạn vấn: “Ông cũng đồng với tôi”. Còn nói: “Thân chẳng có trước” thì vì nhân duyên gì mà đặt ra nạn vấn này?

Này thiện nam! Tất cả thân của chúng sinh và phiền não đều không trước sau, cùng một lúc mà có. Tuy cùng một lúc có nhưng cần phải nhân vào phiền não mà có được thân, nhất định chẳng nhân vào thân mà có phiền não. Theo ý ông, nếu cho là như hai mắt của con người cùng một lúc mà được chẳng do đợi nhau, mắt trái chẳng nhờ vào mắt phải, mắt phải chẳng nhờ vào mắt trái, phiền não và thân cũng như vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Ví như mắt của thế gian thấy bắc đèn cùng ánh sáng tuy là một lúc nhưng ánh sáng cần phải nhờ vào bắc đèn, nhất định chẳng nhờ vào ánh sáng mà có bắc đèn.

Này thiện nam! Theo ý ông, nếu cho là thân chẳng có trước nên biết là không nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu do thân có trước không nhân duyên nên gọi là không thì ông chẳng nên nói tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói chẳng thấy nên chẳng nói thì nay đã thấy cái bình v.v... từ nhân duyên sinh ra mà vì sao chẳng nói? Như cái bình, thân có trước, nhân duyên cũng như vậy.

Này thiện nam! Hoặc thấy, chẳng thấy, tất cả các pháp đều từ nhân duyên, không có tự tánh. Này thiện nam! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh, không có nhân duyên thì ông vì nhân duyên gì nói đến năm đại. Tánh của năm đại này tức là nhân duyên.

Này thiện nam! Nhân duyên năm đại tuy như vậy nhưng cũng chẳng nên nói các pháp đều đồng với nhân duyên năm đại, như người đời nói, tất cả người xuất gia tinh cần trì giới, Chiên-đà-la v.v... cũng nên như vậy, tinh cần trì giới.

Này thiện nam! Ông nói năm đại có tánh quyết định bền chắc, còn Ta quan sát thấy tánh đó chuyển biến nên chẳng định.

Này thiện nam! Váng sữa, sáp, hồ, keo v.v... ở trong pháp của ông gọi chúng là đất. Đất này bất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất nên chẳng được nói là tự tánh bền chắc.

Này thiện nam! Bạch lạp, chì, thiếc, đồng, sắt, vàng, bạc v.v... ở trong pháp của ông gọi chúng là lửa. Bốn tánh của lửa này là khi cháy thì tánh nước, khi động thì tánh gió, khi nóng thì tánh lửa, khi cứng thì tánh đất thì sao nói, quyết định gọi là tánh của lửa?

Này thiện nam! Tánh của nước gọi là chảy, nếu khi nước đóng băng chẳng gọi là đất mà vẫn gọi là nước thì vì nhân duyên gì khi sóng động chẳng gọi là gió? Nếu động, chẳng gọi là gió thì khi nước đóng băng cũng chẳng gọi là nước. Nếu hai nghĩa này từ nhân duyên thì vì sao nói, tất cả các pháp chẳng từ nhân duyên?

Này thiện nam! Nếu nói tánh của năm căn có thể thấy, nghe, hay, biết, chạm xúc nên đều là tự tánh, chẳng từ nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì tánh của tự tánh là tánh chẳng thể chuyển. Nếu nói tánh của mắt là thấy thì đáng lẽ thường có thể thấy, chẳng nên có khi thấy, có khi chẳng thấy. Vậy phải biết là từ nhân duyên mà thấy, chẳng phải không nhân duyên.

Này thiện nam! Ông nói chẳng phải nhân vào năm trần sinh ra tham, giải thoát thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì sinh ra tham, giải thoát tuy chẳng nhân vào nhân duyên năm trần, nhưng nếu giác quán ác thì sinh ra tham dục, còn giác quán thiện thì được giải thoát.

Này thiện nam! Do nhân duyên bên trong nên sinh ra tham, giải thoát, do nhân duyên bên ngoài có thể tăng trưởng. Vậy nên ông nói, tất cả các pháp đều có tự tánh, chẳng nhân vào năm trần sinh ra tham, giải thoát thì đó là điều không có.

Này thiện nam! Ông nói, người đầy đủ các căn lại thiếu thốn của cải, chẳng được tự tại, còn người các căn tàn khuyết thì giàu có nhiều của cải, rất tự tại. Do đó chứng tỏ là có tự tánh, chẳng từ nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì chúng sinh từ nghiệp mà có quả báo. Quả báo như vậy có ba thứ: Một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Bần cùng, cực phú, căn đủ

hay chẳng đủ là do nghiệp nên đều khác. Nếu có tự tánh, đủ các căn thì đáng lẽ giàu có của báu và giàu có của báu thì đáng lẽ đủ các căn, nhưng nay thì chẳng vậy. Vậy nên nhất định biết là không có tự tánh, đều từ nhân duyên.

Này thiện nam! Như lời ông nói, trẻ con ở thế gian chưa thể phân biệt nhân duyên năm trần, cũng khóc cũng cười. Vậy nên tất cả có tự tánh thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu có tự tánh thì cười đáng lẽ luôn cười, khóc đáng lẽ luôn khóc. Nếu lúc cười, lúc khóc thì phải biết tất cả đều từ nhân duyên. Vậy nên chẳng nói tất cả các pháp có tự tánh, chẳng từ nhân duyên.

Phạm chí bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp từ nhân duyên mà có thì như vậy thân có từ nhân duyên nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nhân duyên của thân này là phiền não cùng với nghiệp.

Phạm chí bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như thân ấy từ nghiệp phiền não thì nghiệp phiền não này có thể đoạn chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

Phạm chí lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói, khiến cho con nghe rồi chẳng rời khỏi chỗ này, đều đoạn trừ hết.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu biết khoảng giữa, hai bên không ngăn ngại thì người đó có thể đoạn được nghiệp phiền não.

–Thưa Thế Tôn! Con đã biết hiểu được chánh pháp nhãn.

Đức Phật dạy:

–Thế nào là biết?

–Bạch Thế Tôn! Hai bên tức là sắc và giải thoát sắc. Khoảng giữa tức là tám chánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông giỏi biết hai bên, đoạn trừ nghiệp phiền não.

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn cho phép con xuất gia thọ giới.

Đức Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Tức thời Phạm chí đoạn trừ phiền não ba cõi, đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, lại có một vị Bà-la-môn tên là Hoằng Quảng lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Ông có biết điều tôi đang nghĩ chăng?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường. Quanh co tức là tà kiến, ngay thẳng tức là Thánh đạo.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Vì nhân duyên gì mà nói như vậy?

–Này thiện nam! Ý ông cho là khát thực là thường, thỉnh mời riêng là vô thường. Quanh co là cái khóa cửa, ngay thẳng là đế tràng. Vậy nên ta nói Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường. Quanh co gọi là tà kiến, ngay thẳng gọi là tám chánh đạo, chẳng phải như sự suy nghĩ trước đây của ông sao?

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài quả thật biết được lòng tôi. Tám chánh đạo này có khiến cho chúng sinh được tận diệt không?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng chẳng đáp. Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài đã biết lòng con, lời hỏi của con hôm nay vì sao Ngài lặng im mà chẳng thấy đáp?

Khi ấy, ông Kiều-trần-như liền nói:

–Này đại Bà-la-môn! Nếu có người hỏi thế gian hữu biên hay vô biên thì Đức Như Lai thường lặng im như thế, chẳng đáp. Tám thánh đạo là ngay thẳng, Niết-bàn là thường. Nếu tu tám thánh đạo tức là được diệt tận còn nếu chẳng tu tập thì chẳng thể được. Này đại

Bà-la-môn! Ví như thành lớn, bốn vách thành ấy đều không có lỗ, chỉ có một cái cửa. Người giữ cửa thành ấy thông minh, có trí tuệ, có thể giỏi phân biệt, kẻ đáng cho đi thì cho đi, kẻ đáng ngăn lại thì ngăn lại. Tuy chẳng thể biết người ra vào nhiều hay ít nhưng nhất định biết tất cả người vào ra đều theo cửa này.

Này thiện nam! Đức Như Lai cũng vậy. Thành dụ cho Niết-bàn, cửa dụ cho tám chánh đạo, người giữ cửa dụ cho Như Lai. Này thiện nam! Đức Như Lai nay tuy chẳng trả lời ông tận diệt hay chẳng tận diệt, nhưng người có tận diệt thì cần phải tu tập tám chánh đạo ấy.

Bà-la-môn nói:

–Hay thay! Hay thay! Thưa Đại đức Kiều-trần-như! Đức Như Lai khéo có thể nói pháp vi diệu. Tôi nay thật muốn biết thành (Niết-bàn) biết đạo (tám chánh) và tự làm người giữ cửa.

Tôn giả Kiều-trần-như nói:

–Hay thay! Hay thay! Này Bà-la-môn! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lớn.

Đức Phật dạy:

–Thôi đi Kiều-trần-như! Ông Bà-la-môn này chẳng phải đến ngày hôm nay mới phát tâm. Thuở quá khứ xa xưa vô lượng kiếp, có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, người này trước đã ở chỗ Đức Phật đó phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong kiếp Hiền này ông ấy sẽ thành Phật. Đã từ lâu ông ấy thông đạt, rõ biết pháp tướng, vì chúng sinh nên hiện ở ngoại đạo làm ra vẻ không biết gì. Do nhân duyên đó, này Kiều-trần-như! Ông chẳng nên khen ngợi: “Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể phát tâm rộng lớn như vậy”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rồi nhưng vẫn hỏi ông Kiều-trần-như:

–Tỳ-kheo A-nan nay ở đâu?

Tôn giả Kiều-trần-như bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan đang ở ngoài rừng Ta-la, cách đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức ma nhiễu loạn. Những ma chúng đó đều tự biến thân làm hình dáng Đức Như Lai. Hoặc có ma tuyên nói, tất cả các pháp từ nhân duyên sinh. Hoặc có ma nói, tất cả các pháp chẳng từ nhân duyên sinh. Hoặc có ma nói, tất cả nhân duyên đều là pháp thường, từ nhân duyên sinh ra thì đều là vô thường. Hoặc có ma nói, năm ấm là thật, hoặc nói hư giả; nhập, giới cũng vậy. Hoặc có ma nói, có mười hai duyên. Hoặc có ma nói, có bốn duyên, hoặc nói các pháp như huyễn như hóa, như nóng, như ngọn lửa. Hoặc có ma nói, nhân nghe mà đắc pháp. Hoặc có ma nói, nhân tư duy mà đắc pháp. Hoặc có ma nói, nhân tu mà đắc pháp. Hoặc lại có ma nói, phép quán bất tịnh. Hoặc lại có ma nói phép quán hơi thở ra vào. Hoặc lại có ma nói, quán bốn niệm xứ. Hoặc lại có ma nói, nghĩa ba pháp quán, bảy thứ phương tiện. Hoặc lại có ma nói, pháp noãn, pháp đỉnh, pháp nhãn, pháp thế gian đệ nhất, học địa và vô học địa, Bồ-tát Sơ trụ cho đến Thập trụ. Hoặc có ma nói, không, vô tướng, vô tác. Hoặc lại có ma nói, Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Tỳ-già-la-na, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đà-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá. Hoặc có ma nói, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo. Hoặc có ma nói, nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô tử không, tánh không, viển ly không, tán không, tự tướng không, vô tướng không, ấm không, nhập không, giới không, thiện không, bất thiện không, vô ký không, Bồ-đề không, đạo không, Niết-bàn không, hành không, đắc không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Hoặc có ma thị hiện thân thông biến hóa, thân tuôn nước lửa. Hoặc phần trên thân tuôn ra nước, phần dưới thân phát ra lửa, dưới thân tuôn ra nước, trên thân phát ra lửa, hông bên trái nghiêng xuống, hông bên phải tuôn ra nước, hông bên phải nghiêng xuống, hông bên trái tuôn ra nước, một bên hông nổi sấm, một bên hông tuôn mưa. Hoặc có ma thị hiện thế giới chư Phật. Hoặc lại có ma thị hiện cảnh Bồ-tát sơ sinh đi bảy nước, cảnh khi ở tại thâm cung hưởng thụ năm dục, cảnh khi mới bắt đầu xuất gia tu khổ hạnh, cảnh khi

đến dưới gốc cây, ngồi vào Tam-muội phá hoại quân ma, cảnh khi chuyển pháp luân, cảnh khi thị hiện đại thần thông vào Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan thấy những việc này rồi, nghĩ: “Những thần thông biến hóa như vậy xưa nay chưa thấy. Việc làm này của ai? Lẽ nào chẳng phải là việc làm của Đức Thế Tôn Thích Ca sao?”. Ông muốn đứng dậy, muốn nói nhưng hoàn toàn chẳng theo ý. Tỳ-kheo A-nan rơi vào lưới ma nên lại nghĩ: “Lời nói của chư Phật mỗi mỗi chẳng đồng, ta nay nên thọ nhận lời nói của ai?”. Thưa Thế Tôn! A-nan hôm nay chịu khổ vô cùng, tuy nghĩ đến Như Lai nhưng không ai có thể cứu. Do nhân duyên này nên chẳng đi đến trong đại chúng này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có các Bồ-tát đã ở từ một đời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đến vô lượng đời phát tâm Bồ-đề, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tâm những vị ấy kiên cố tu hành đầy đủ Đàn Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, thành tựu công đức, đã từ lâu thân cận vô lượng chư Phật, tịnh tu phạm hạnh được tâm Bồ-đề bất thoái chuyển, được Nhẫn bất thoái chuyển, Trì bất thoái chuyển, đặc vô lượng Tam-muội như Pháp nhẫn, Thủ-lăng-nghiêm v.v. Những vị như vậy nghe kinh Đại Thừa nhất định chẳng sinh nghi, khéo có thể phân biệt tuyên nói Tam bảo đồng một tánh tướng, thường trụ chẳng biến đổi, nghe điều chẳng nghĩ bàn, chẳng sinh kinh sợ quái lạ, nghe đủ thứ không lòng không sợ sệt, tỏ rõ thông đạt tất cả pháp tánh, có thể trì tất cả Mười hai bộ loại kinh văn, rộng hiểu nghĩa của những kinh ấy, cũng có thể thọ trì mười hai bộ loại kinh văn của vô lượng chư Phật thì do duyên gì các vị ấy chẳng thể thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn như vậy? Đức Phật vì nhân duyên gì mà hỏi Tôn giả Kiều-trần-như về chỗ ở của Tôn giả A-nan?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Này thiện nam! Sau khi Ta thành Phật đã hơn hai mươi năm, lúc trụ ở thành Vương-xá, bấy giờ Ta bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Hôm nay trong chúng này, ai có



thể vì Ta thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai và ở bên Ta cung cấp đồ cần dùng mà cũng khiến cho chẳng mất phần thiện lợi của thân mình?”. Lúc đó, Kiều-trần-như ở trong chúng, đến bạch với Ta: “Con có thể thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn, cung cấp hầu hạ tả hữu mà chẳng mất việc làm lợi ích của mình”. Ta nói: “Này Kiều-trần-như! Ông đã già cả đáng cần có người để sai bảo thì làm sao muốn làm thị giả cho Ta?”. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói: “Con có thể thọ trì tất cả lời dạy của Phật, cung cấp thứ cần dùng cho Thế Tôn mà chẳng mất việc làm lợi ích của mình”. Ta lại nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông đã già cả rồi phải cần có người để sai bảo thì làm sao muốn làm thị giả cho Ta được?”. Cho đến năm trăm các vị A-la-hán đều cũng như vậy và Ta đều chẳng chấp nhận. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên ở trong đại chúng nghĩ: “Đức Như Lai hôm nay chẳng nhận năm trăm vị Tỳ-kheo làm thị giả thì ý Đức Phật vì muốn ai làm vậy?”. Tư duy thế rồi ông liền vào định, quan sát thấy lòng Đức Như Lai đặt tại Tôn giả A-nan như mặt trời mới mọc chiếu sáng lên vách phía Tây. Thấy việc này rồi ông liền rời khỏi định nói với Tôn giả Kiều-trần-như: “Thưa Đại đức! Tôi thấy Đức Như Lai muốn khiến Tôn giả A-nan làm thị giả hầu cận!”. Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với năm trăm vị A-la-hán đến chỗ Tôn giả A-nan nói: “Thưa Đại đức A-nan! Nay Đại đức phải vì Đức Như Lai làm thị giả! Mời Đại đức nhận việc đó cho!”. Tôn giả A-nan nói: “Thưa các Đại đức! Tôi thật chẳng đủ sức làm thị giả cho Đức Như Lai. Vì sao? Vì Đức Như Lai là đáng tôn quý như vua sư tử, như rồng, như lửa. Tôi nay như ếch, yếu ớt thì làm sao có thể đảm đương được”. Các Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức A-nan! Xin hãy nhận lời của chúng tôi làm thị giả cho Đức Như Lai thì được lợi ích lớn”. Nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy. Tôn giả A-nan nói: “Thưa các Đại đức! Tôi cũng chẳng cầu việc lợi ích lớn mà thật chẳng đủ sức đảm nhiệm phụng sự hầu cận cho Đức Như Lai”. Tôn giả Mục-kiền-liên lại nói: “Thưa Đại đức A-nan! Nay Đại đức chưa biết!”. Tôn giả A-nan nói: “Thưa Đại đức! Xin Đại đức nói cho!”. Tôn giả Mục-kiền-liên nói: “Ngày hôm trước, Đức Như Lai ở trong Tăng chúng tìm thị giả. Năm trăm A-la-hán đều xin làm mà Đức Như Lai chẳng

cho. Tôi liền vào định thì thấy ý Đức Như Lai muốn Đại đức làm thị giả. Nay Đại đức vì sao từ chối chẳng nhận?”. Tôn giả A-nan nghe rồi, chấp tay, quỳ dài nói: “Thưa các Đại đức! Nếu có việc này thì xin Đức Như Lai cho tôi ba điều thỉnh nguyện, tôi sẽ thuận theo mệnh lệnh của chúng Tăng làm thị giả bên Như Lai”. Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi: “Ba điều đó là gì?”. Tôn giả A-nan nói: “Một là Đức Như Lai giả sử đem áo cũ ban cho tôi thì cho phép tôi chẳng nhận. Hai là Đức Như Lai giả sử nhận lời mời riêng của đàn-việt thì cho phép tôi không đi theo. Ba là cho phép tôi ra vào không có thời tiết. Ba việc như vậy nếu Đức Phật cho phép thì tôi sẽ thuận theo mệnh lệnh của chúng Tăng”. Tôn giả Kiều-trần-như và năm trăm vị Tỳ-kheo trở lại chỗ của Ta mà nói: “Chúng con đã khuyên Tỳ-kheo A-nan, ông ấy chỉ cầu xin Đức Thế Tôn ba nguyện. Nếu Đức Phật cho thì sẽ thuận theo mệnh lệnh của Tăng”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta vào lúc ấy, khen Tôn giả A-nan: “Hay thay! Hay thay! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ đã dự kiến được sự ngờ vực. Vì sao? Vì sẽ có người nói “Ông vì ăn mặc mà phụng sự Đức Như Lai”. Vậy nên trước cầu xin chẳng nhận áo cũ, chẳng đi theo khi Phật được mời riêng. Này Kiều-trần-như! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ, nếu vào ra có lúc tức là chẳng thể làm lợi ích rộng rãi cho bốn bộ chúng. Vậy nên ông ấy xin được vào ra không theo thời tiết. Này Kiều-trần-như! Ta vì Tỳ-kheo A-nan mở ra ba việc này để theo ý nguyện của ông ấy”. Mục-kiền-liên trở lại chỗ A-nan, nói với Tỳ-kheo A-nan: “Tôi đã vì Tỳ-kheo thưa thỉnh ba việc và Đức Như Lai đại từ đều đã hứa cho!”. Tỳ-kheo A-nan nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đức Phật đã cho phép thì tôi xin đến làm người hầu cung cấp”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan phụng sự Ta hơn hai mươi năm, đầy đủ tám thứ chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là tám?

Một là phụng sự Ta từ lúc đó đến nay hơn hai mươi năm, chẳng bao giờ theo Ta khi Ta nhận mời riêng.

Hai là từ khi phụng sự Ta đến nay, chẳng nhận quần áo cũ của Ta cho.

Ba là từ khi phụng sự Ta đến nay, ông ấy đến chỗ Ta chẳng

bao giờ phi thời.

Bốn là từ khi phụng sự Ta đến nay, tuy đầy đủ phiền não nhưng khi theo Ta vào ra những chỗ vua, Sát-lợi, họ lớn giàu sang, thấy các nữ nhân và con gái trời, rồng v.v... chẳng sinh tâm dục.

Năm là từ khi phụng sự Ta đến nay, trì giữ Mười hai bộ loại kinh văn của Ta, một lần đã vào tai rồi chẳng từng hỏi lại, như rót nước ở bình này vào bình khác. Chỉ trừ có một lần ông ấy hỏi. Đây thiện nam! Khi Thái tử Lưu Ly giết hại dòng họ Thích, phá hoại thành Ca-tỳ-la, bấy giờ Tỳ-kheo A-nan lòng ôm sầu não, gào khóc lớn tiếng, đi đến chỗ của Ta nói: “Con cùng Đức Như Lai đều sinh ra ở thành này, đồng một dòng họ Thích mà sao Như Lai dung mạo sáng rỡ như thường, còn con thì tiêu tụy?”. Khi đó Ta đáp: “Đây A-nan! Ta tu định không nên chẳng đồng với ông”. Qua ba năm rồi, ông ấy trở lại hỏi Ta: “Thưa Thế Tôn! Trước kia, ở thành Ca-tỳ-la, con từng nghe Như Lai nói tu Tam-muội Không. Việc này hư hay là thật?”. Ta nói: “Đây A-nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!”.

Sáu là từ khi phụng sự Ta đến nay, tuy chưa chứng được trí biết tâm người khác, nhưng thường biết các định mà Như Lai đã nhập.

Bảy là từ khi phụng sự Ta đến nay, tuy chưa được nguyện trí mà có thể rõ biết chúng sinh đến chỗ Như Lai như vậy thì hiện tại có thể được bốn quả Sa-môn, có người về sau sẽ đắc hoặc thân người, hoặc thân trời.

Tám là từ khi phụng sự Ta đến nay, lời nói bí mật của Như Lai, ông ấy đều có thể rõ biết.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám thứ chẳng thể nghĩ bàn như vậy nên Ta khen Tỳ-kheo A-nan là tạng Đa văn.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám pháp có thể thọ trì đầy đủ Mười hai bộ loại kinh văn. Những gì là tám?

Một là Tín căn kiên cố.

Hai là tâm ý chất trực.

Ba là thân không bệnh khổ.

Bốn là thường siêng tinh tấn.

Năm là niệm tâm đầy đủ.

Sáu là tâm không kiêu mạn.

Bảy là thành tựu định tuệ.

Tám là đầy đủ trí do nghe sinh ra.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-bà-thi tên là A-Thúc-ca cũng đầy đủ tám pháp như vậy. Đệ tử thị giả của Đức Phật Thi-khí tên là Sai-ma-ca-la, đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-xá-phù tên là Ưu-ba-phiến-đà, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-la-cưu-thôn tên là Bạt-đề, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-na-hàm-mâu-ni tên là Tô-chỉ, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-diếp tên là Diếp-bà-mật-đa đều cũng đầy đủ tám pháp như vậy. Tỳ-kheo A-nan của Ta hôm nay cũng như vậy, đầy đủ tám pháp. Vậy nên Ta khen Tỳ-kheo A-nan là tạng Đa văn. Này thiện nam! Đúng như lời ông nói, trong đại chúng này tuy có vô lượng vô biên Bồ-tát, nhưng những Bồ-tát đó đều có trọng trách, như là đại từ đại bi. Nhân duyên từ bi như vậy nên ai nấy đều chuyên chăm lo điều phục quyến thuộc và trang nghiêm thân mình. Do nhân duyên này nên sau khi Ta Niết-bàn, những vị ấy chẳng thể nói thông Mười hai bộ loại kinh văn, nếu có Bồ-tát, hoặc khi có thể nói thì người chẳng tin thọ. Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan là em của Ta, làm thị giả cho Ta đến nay hơn hai mươi năm, pháp được nghe ông ấy thọ trì đầy đủ ví như rót nước vào đồ đựng nước. Vậy nên hôm nay Ta lưu ý hỏi A-nan đang ở đâu là muốn khiến cho ông ấy thọ trì kinh Niết-bàn này. Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, những điều mà Tỳ-kheo A-nan chưa nghe thì Bồ-tát Hoằng Quảng có thể truyền bá rộng rãi, còn điều Tỳ-kheo A-nan đã nghe tự có thể tuyên nói thông suốt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan nay ở chỗ khác, cách chỗ hội này mười hai do-tuần và đang bị sự nhiễu loạn của sáu vạn bốn ngàn ức ma. Ông có thể đến đó, lớn tiếng xưng lên với tất cả ma như vậy: “Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Nay Như Lai nói đại Đà-la-ni, tất cả Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người cùng chẳng phải người, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa v.v... nghe tên tổng trì này không ai

chẳng cung kính thọ trì. Đà-la-ni này đã được chư Phật Thế Tôn nhiều bằng mười lần cát sông Hằng cùng tuyên nói. Đà-la-ni này có thể chuyển nữ thân, tự biết túc mạng nếu người thọ trì làm năm việc: Một là phạm hạnh, hai là cắt đứt việc ăn thịt, ba là đoạn rượu, bốn là đoạn vị cay, năm là ưa ở tịch tĩnh. Người thọ năm việc này rồi, chí tâm đọc tụng, ghi chép Đà-la-ni này thì phải biết người đó liền được siêu việt bảy mươi ức thân tặc ác.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền nói chú:

–A ma lệ - Tỳ ma lệ - Niết ma lệ - Mông đà lệ - Ê ma la - Nhã kiết tỳ - Tam mạn na bạt đề - Ta bà tha ta đàn ni - Ta la ma tha ta đàn ni - Ma na tư - A chuyết đề - Tỳ la kỳ - Am la lại đề - Bà lam di - Bà lam - Ma tá lệ - Phú nê phú na ma nô lại đề.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi theo Đức Phật thọ Đà-la-ni này rồi, đi đến chỗ Tỳ-kheo A-nan, ở tại trong chúng ma, nói: “Này các ma và quyến thuộc hãy lắng nghe ta nói chú Đà-la-ni mà ta thọ được từ Đức Phật”.

Ma vương nghe Đà-la-ni này rồi đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xả bỏ nghiệp ma, liền thả A-nan. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với A-nan đi đến chỗ Đức Phật. A-nan thấy Đức Phật, hết lòng lễ kính, rồi lui đứng một bên.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo A-nan:

–Bên ngoài rừng Ta-la này có một Phạm chí tên là Tu-bạt-đà, thọ một trăm hai mươi tuổi, tuy được ngũ thông nhưng chưa xả kiêu mạn, chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng, cho là Nhất thiết trí, khởi tưởng Niết-bàn. Ông có thể đến nói với ông Tu-bạt-đà kia: “Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm, vào giữa đêm nay sẽ Bát-niết-bàn, nếu có việc gì làm thì hãy kịp thời làm ngay, chớ để ngày hôm sau mà sinh lòng hối hận!”.

Này A-nan! Lời nói của ông nhất định ông ấy tin thọ. Vì sao? Vì ông, thuở xưa trong năm trăm đời, đã từng làm con của ông Tu-bạt-đà. Tập khí yêu mến của người ấy chưa hết. Do nhân duyên này nên tin thọ lời của ông.

Bấy giờ, Đại đức A-nan nhận lời Đức Phật dạy rồi, đi đến chỗ

của ông Tu-bạt-đà nói như vậy: “Nhân giả! Nên biết, Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm! Vào giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, nếu có việc gì muốn làm thì hãy kịp thời làm ngay! Chớ để ngày sau mà sinh lòng hối hận!”. Ông Tu-bạt-đà nói: “Hay thay! Hay thay! Thưa Tỳ-kheo A-nan! Hôm nay tôi sẽ đi đến chỗ Đức Phật”. Khi ấy, A-nan và Tu-bạt-đà đi đến chỗ Phật. Đến nơi Tu-bạt-đà thưa:

–Thưa Cù-đàm! Tôi nay muốn hỏi, xin Ngài theo ý tôi hỏi mà trả lời.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bạt-đà! Hôm nay đã đúng lúc. Theo lời hỏi của ông Ta sẽ thị hiện phương tiện theo ý của ông mà trả lời.

–Thưa Cù-đàm! Có các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nói: “Tất cả chúng sinh thọ quả báo khổ, vui đều theo nhân duyên nghiệp cũ ngày trước. Vậy nên nếu có trì giới tinh tấn mà thọ khổ thân tâm thì có thể phá hoại nghiệp cũ. Nghiệp cũ đã hết thì mọi khổ tận diệt. Mọi khổ tận diệt tức là được Niết-bàn”. Nghĩa lời này ra sao?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nói lời nói như vậy thì Ta vì thương xót họ nên thường phải qua lại chỗ của những người này. Đã đến với họ rồi Ta sẽ hỏi họ: “Các ông có thật nói như vậy không?”. Nếu nghe họ đáp: “Chúng tôi nói như vậy! Vì sao? Thưa Cù-đàm! Vì tôi thấy chúng sinh quen làm các việc ác mà được nhiều của cải, thân được tự tại. Lại thấy kẻ tu thiện mà nghèo cùng nhiều thiếu thốn, chẳng được tự tại. Lại thấy có người nỗ lực làm nhiều việc để cầu của cải nhưng chẳng được. Lại thấy có người chẳng cầu mà tự nhiên được. Lại thấy có người tâm từ chẳng giết hại mà ngược lại chết yếu giữa chừng. Lại thấy kẻ ưa giết hại mà bảo toàn tuổi thọ. Lại thấy có người tịnh tu phạm hạnh, tinh cần trì giới mà có kẻ được giải thoát, có kẻ chẳng được. Vậy nên tôi nói tất cả chúng sinh thọ quả báo khổ, vui đều do nhân duyên nghiệp cũ ngày trước”, thì này Tu-bạt-đà! Ta lại sẽ hỏi: “Này các ông! Các ông có thật thấy nghiệp quá khứ không? Nếu có thấy thì nghiệp này nhiều

hay ít? Khổ hạnh hiện tại có thể phá được nhiều hay ít? Có thể biết nghiệp đó đã hết hay chẳng hết? Nghiệp đó đã hết thì tất cả hết chẳng?”. Nếu nghe những người kia đáp: “Chúng tôi thật chẳng biết!” thì Ta sẽ vì những người đó dẫn dụ rằng: “Ví như có người, thân bị tên độc, gia đình, quyến thuộc người ấy mời thầy thuốc đến nhổ tên ra. Tên đã nhổ xong, thân được yên ổn. Sau mười năm người này còn nhớ việc ấy rõ ràng phân minh: Thầy thuốc đó vì ta nhổ ra tên độc, dùng thuốc bôi đắp vào, khiến cho ta được khỏi, yên ổn hưởng thụ niềm vui. Các ông đã chẳng biết nghiệp cũ quá khứ thì làm sao có thể biết khổ hạnh hiện tại quyết định có thể phá hoại nghiệp quá khứ?”. Nếu những người kia lại nói: “Thưa Cù-đàm! Nay Ngài cũng có nghiệp cũ quá khứ mà vì sao trách một mình nghiệp quá khứ của tôi? Trong kinh của Ngài Cù-đàm cũng nói, nếu thấy có người giàu sang tự tại thì phải biết người đó đời trước bố thí tốt. Như vậy mà chẳng gọi là nghiệp quá khứ sao?” thì Ta lại đáp: “Này các ông! Biết như vậy thì gọi là biết so sánh, chẳng gọi là biết chân thật. Trong pháp của Ta, hoặc có trường hợp do nhân biết quả, hoặc có trường hợp từ quả biết nhân. Trong pháp của Ta, có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại, còn các ông thì chẳng vậy mà chỉ có nghiệp quá khứ, không có nghiệp hiện tại. Pháp của các ông chẳng từ phương tiện đoạn trừ nghiệp, còn pháp của Ta chẳng vậy, từ phương tiện đoạn trừ nghiệp. Các ông, nghiệp hết rồi thì được khổ hết. Còn Ta thì chẳng vậy, phiền não hết, nghiệp hết thì khổ hết. Vậy nên Ta chê trách nghiệp quá khứ của ông”. Người kia nếu nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi thật chẳng biết theo thầy thọ nhận điều đó, thầy nói thế thì chúng tôi thật không có lỗi” thì Ta nói: “Này nhân giả! Thầy của ông là ai?”. Nếu nghe người kia đáp: “Phú-lan-na” thì Ta lại nói: “Khi xưa sao mọi việc ông chẳng hỏi đại sư thật có biết nghiệp quá khứ không? Thầy ông nếu nói, ta chẳng biết, thì ông sao lại thọ nhận lời nói của vị thầy này? Nếu thầy nói biết thì lại nên hỏi nhân là khổ bậc hạ thì có thọ khổ bậc trung, thượng không? Nhân là khổ bậc trung thì có thọ khổ bậc hạ, thượng không? Nhân là khổ bậc thượng thì có thọ khổ bậc trung, hạ không? Nếu thầy nói không thì nên hỏi: Sao thầy nói quả báo khổ, vui chỉ do nghiệp quá khứ, chẳng phải

hiện tại? Lại nên hỏi: Khổ hiện tại này do quá khứ có chăng? Nếu quá khứ có thì nghiệp quá khứ đã đều hết mà nếu đều hết thì sao lại thọ thân ngày hôm nay? Nếu quá khứ không, chỉ hiện tại có thì sao lại nói, khổ vui của chúng sinh đều do nghiệp của quá khứ? Đây nhân giả! Nếu biết khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp của quá khứ thì khổ hạnh hiện tại lấy cái gì để phá? Như khổ hạnh ấy chẳng phá thì khổ tức là thường. Nếu khổ là thường thì sao nói, được giải thoát khổ? Nếu lại có hành động phá hoại khổ hạnh thì quá khứ đã hết làm sao có khổ? Đây nhân giả! Như vậy khổ hạnh có thể khiến cho nghiệp vui phải chịu quả khổ chăng? Lại khiến cho nghiệp khổ được thọ quả vui chăng? Có thể khiến cho nghiệp không khổ không vui thành chẳng thọ quả chăng? Có thể khiến cho hiện báo thành sinh báo chăng? Có thể khiến cho sinh báo thành hiện báo chăng? Có thể khiến cho hai báo này thành vô báo chăng? Có thể khiến cho định báo thành vô báo chăng? Có thể khiến cho vô báo thành định báo chăng?”. Người kia nếu lại nói: “Thưa Cù-đàm! Chẳng thể!” thì Ta lại sẽ nói: “Đây nhân giả! Như thế thì chẳng thể vì nhân duyên gì mà thọ khổ hạnh này. Ông phải biết nhất định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Vậy nên Ta nói, nhân phiến nào sinh ra nghiệp, nhân nghiệp thọ báo. Ông phải biết tất cả chúng sinh có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại. Chúng sinh tuy có nghiệp sống lâu quá khứ nhưng hiện tại cần phải nhờ vào nhân duyên ăn uống. Đây nhân giả! Nếu nói chúng sinh thọ khổ thọ vui quyết định do nhân duyên nghiệp cũ quá khứ thì việc này chẳng đúng. Vì sao? Đây nhân giả! Ví như có người vì vua trừ oán địch. Do nhân duyên này nên được nhiều của báu. Nhân của báu này mà hưởng thụ niềm vui hiện tại. Như vậy người này hiện tại tạo tác nhân duyên vui, hiện tại thọ hưởng quả báo vui. Ví như có người giết đứa con yêu của vua. Do nhân duyên này nên chết mất thân mạng. Như vậy người này hiện tại tạo tác nhân duyên khổ, hiện tại chịu quả báo khổ. Đây nhân giả! Tất cả chúng sinh hiện tại nhân vào bốn đại thời tiết, đất đai, muôn dân mà thọ khổ hay thọ vui. Vậy nên Ta nói, tất cả chúng sinh chẳng nhất định dựa hết vào nghiệp cũ quá khứ để thọ khổ hay vui. Đây nhân giả! Nếu do sức nhân duyên đoạn trừ nghiệp nên được giải thoát thì



tất cả Thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì sao? Vì nghiệp cũ quá khứ của tất cả chúng sinh không thỉ chung. Vậy nên Ta nói, khi tu Thánh đạo thì đạo này có thể ngăn chặn nghiệp không thỉ không chung. Nay nhân giả! Nếu thọ khổ hạnh mà được đạo thì tất cả súc sinh đều nên đắc đạo. Vậy nên trước phải điều phục tâm mình, chẳng điều phục thân. Do nhân duyên này nên trong kinh Ta nói, chặt phá rừng này, chớ chặt cây. Vì sao? Vì từ rừng này sinh ra sợ hãi, chớ chẳng từ cây sinh ra. Muốn điều phục thân thì trước phải điều phục tâm. Tâm dụ cho rừng, thân dụ cho cây”.

Ông Tu-bạt-đà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con trước đã điều phục tâm!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay làm sao có thể trước điều phục tâm?

Ông Tu-bạt-đà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con trước suy nghĩ dục là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Quán sắc tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Quán như thế rồi thì kết sử của Dục giới đoạn dứt, chứng được Sắc xứ. Vậy nên gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa, quán sắc là vô thường như ung bấu, như ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên thì thấy vô sắc thường, thanh tịnh, tịch tĩnh. Quán như vậy rồi thì kết sử của Sắc giới hết và được Vô sắc xứ. Vậy nên gọi là trước điều phục tâm. Tiếp đến lại quán tưởng tức là vô thường, ung bấu, ghẻ lở, chất độc, mũi tên. Quán như vậy rồi thì chứng được Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Phi tưởng phi phi tưởng tức là Nhất thiết trí, tịch tĩnh thanh tịnh, không có đọa lạc, thường hằng chẳng biến đổi. Vậy nên con có thể điều phục tâm mình.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Làm sao ông có thể điều phục tâm? Định Phi tưởng phi phi tưởng mà ông đã sở đắc vẫn còn gọi là tưởng, mà Niết-bàn là vô tưởng thì sao ông nói là chứng được Niết-bàn? Này thiện nam! Ông trước đã có thể chê trách tưởng thô thì nay vì sao lại ái trước tưởng tế? Chẳng biết chê trách Phi tưởng phi phi tưởng xứ như thế nên gọi tưởng như ung bấu, như ghẻ lở, như chất độc, như mũi

tên. Nay thiện nam! Thầy của ông là Uất-đầu-lam-phất, căn tánh  
lành lợi, thông minh còn chẳng thể đoạn trừ được Phi tướng phi phi  
tướng xứ nên phải thọ thân ác, hưởng gì là những người khác.

–Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể đoạn trừ tất cả các hữu?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Nếu quan sát thật tướng thì người này có thể  
đoạn tất cả hữu.

Tu-bạt-đà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là thật tướng?

–Nay thiện nam! Tướng của vô tướng gọi là thật tướng.

–Thưa Thế Tôn! Sao gọi là tướng của vô tướng?

–Nay thiện nam! Tất cả các pháp không có tự tướng, tha tướng  
và tự tha tướng, không có tướng vô nhân, không có tướng tác, không  
có tướng thọ, không có tướng tác giả, không có tướng thọ giả, không  
có tướng pháp phi pháp, không có tướng nam nữ, không có tướng sĩ  
phu, không có tướng vi trần, không có tướng thời tiết, không có  
tướng vì mình, không có tướng vì người khác, không có tướng vì  
mình và vì người, không có tướng có, không có tướng không, không  
có tướng sinh, không có tướng người sinh, không có tướng nhân,  
không có tướng nhân của nhân, không có tướng quả, không có tướng  
quả của quả, không có tướng ngày đêm, không có tướng sáng tối,  
không có tướng thấy, không có tướng người thấy, không có tướng  
nghe, không có tướng người nghe, không có tướng giác tri, không có  
tướng người giác tri, không có tướng Bồ-đề, không có tướng người  
đắc Bồ-đề, không có tướng nghiệp, không có tướng chủ nghiệp,  
không có tướng phiền não, không có tướng chủ phiền não.

Nay thiện nam! Những tướng như vậy tùy theo chỗ diệt gọi là  
tướng chân thật.

Nay thiện nam! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ  
diệt mà gọi là thật, đó gọi là thật tướng, gọi là Pháp giới, gọi là Trí  
rốt ráo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Đệ nhất nghĩa không.

Nay thiện nam! Tướng pháp giới, trí rốt ráo, Đệ nhất nghĩa đế,  
Đệ nhất nghĩa không này, nếu kẻ hạ trí quán thì được Thanh văn Bồ-

đề, người trung trí quán thì được Duyên giác Bồ-đề, bậc thượng trí quán thì được Vô thượng Bồ-đề.

Khi nói pháp này thì mười ngàn Bồ-tát chứng đắc Nhất sinh thật tướng, một vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Nhị sinh pháp giới, hai vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Trí rốt ráo, ba vạn năm ngàn Bồ-tát ngộ Đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là Đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Bốn vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Hư không, cũng gọi là Tam-muội Quảng đại, cũng gọi là Tam-muội Trí ấn. Năm vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Bất thoái nhẫn. Bất thoái nhẫn này cũng gọi là Như pháp nhẫn, cũng gọi là Như pháp giới. Sáu vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Đà-la-ni. Đà-la-ni này cũng gọi là Đại niệm tâm cũng gọi là Vô ngại trí. Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Sư tử hống. Tam-muội Sư tử hống này cũng gọi là Tam-muội Kim cương, cũng gọi là Tam-muội Ngũ trí ấn. Tám vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Bình đẳng. Tam-muội Bình đẳng này cũng gọi là Đại từ đại bi. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Duyên giác. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Thanh văn. Con gái người, con gái trời hai vạn ức người hiện chuyển thân nữ được thân nam. Ông Tu-bạt-đa đắc quả A-la-hán.

